

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-PT  
Ngày: 21/7/2020  
V/v Tranh chấp ly hôn,  
chia tài sản chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Hương

*Các Thẩm phán:* Bà Hoàng Thị Thu Hương

Bà Ngô Thị M Trang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:**

Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 tháng 6 và ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2020/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn và yêu cầu phản tố chia tài sản chung khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 132/2019/HNGĐ-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2020/QĐXXPT-HNGĐ ngày 28/02/2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông **Lâm Đạo M**, sinh năm 1955

Địa chỉ: 8/76 Tổ 1 khu phố P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

**- Bị đơn:** Bà **Vương Bạch M1**, sinh năm 1962

Địa chỉ: 8/76 Tổ 1 khu phố P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị **Lâm Ngọc L1**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số 8/76B tổ 11, khu phố P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. Chị **Lâm Ngọc L2**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số C15 Lô 11 đường A, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3. Anh **Lâm Tân C**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Kios 02 đường L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

4. Anh **Lâm Tiến C1**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số 8/76B tổ 11, khu phố P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

5. Cụ **Lâm Văn C3**, sinh năm 1926

Địa chỉ: Số 98, Tổ 5, ấp R, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

-*Người kháng cáo*: Bà Vương Bạch M1 là bị đơn

-*Viện Kiểm sát kháng nghị*: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân nhân tỉnh Kiên Giang.

( Ông M, bà M1, Chị L2, anh C, anh C1 có mặt; chị L1, cụ C3 có đơn xin vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

- *Nguyên đơn ông Lâm Đạo M trình bày:*

Ông và bà M1 tự quen nhau, chung sống có tổ chức lễ cưới vào năm 1983, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang vào ngày 19/5/1983, hai người đã ly thân từ ngày 24/4/2015 đến nay. Lý do sống ly thân giữa ông và bà M1 không còn tình cảm vợ chồng với nhau. Đến ngày 06/10/2017 bà M1 ép buộc ông phải đưa số tiền 1.200.000 đồng thì bà đồng ý thuận tình ly hôn. Ông và bà M1 thống nhất đến Văn phòng công chứng R chứng nhận việc giao nhận tiền, việc thỏa thuận phân chia tài sản không bị ép buộc, lừa dối. Đến ngày 07/02/2018, Tòa án mời lên giải quyết thì bà M1 cho rằng bị ông ép buộc nên không thống nhất ly hôn. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà M1.

Về con chung: Ông và bà M1 có 04 người con chung là Lâm Ngọc L1, sinh 1985; Lâm Ngọc L2, sinh 1987; Lâm Tân C, sinh 1988; Lâm Tiến C1, sinh 1992, các con chung đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông M xác định quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông không đồng ý với yêu cầu phản tố chia đôi tài sản chung là quyền sử dụng (QSD) đất tại khu phố P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang theo yêu cầu của bà M1, do tài sản này là tài sản riêng của ông, không phải là tài sản chung của vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân.

Về nợ chung: Ông M xác định không có.

-*Bị đơn bà Vương Bạch M1 trình bày:*

Thứ nhất: Về quan hệ vợ chồng giữa ông bà không có mâu thuẫn gì trầm trọng, hơn nữa vợ chồng đều có tuổi, có con đã lập gia đình và ông bà đã có cháu, nên việc ông M khởi kiện ly hôn bà không đồng ý.

Thứ hai: Ông bà đăng ký kết hôn vào ngày 19/5/1983. Tài sản chung có tổng diện tích đất vườn, đất ruộng 9.935,8m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 22, thửa số 7, đất tọa lại tại khu phố P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Cấp đổi mới giấy chứng nhận lần 2 đứng tên Lâm Đạo M vào ngày 22/7/2016. Đây là tài sản chung của vợ chồng, bởi lẽ tài sản này ông bà có thỏa thuận phân chia một phần cho các con làm tài sản riêng để các con lo cho gia đình. Bà và ông M chưa có văn bản thỏa thuận QSD đất trên là tài sản riêng của ông M.

Thứ ba: Khi cấp đổi lại giấy chứng nhận QSD đất đứng tên ông M, bà và các con đều không biết, khi có người đến chặt cây bóm cát thì mới phát hiện là ông M đã bán đất cho người khác mà không được sự đồng ý của bà và bà cũng không ký tên bán đất. Khi vợ chồng còn hợp pháp thì trong giấy chứng nhận QSD đất để ông M đứng tên.

Thứ tư: Ông M khởi kiện ly hôn với bà để ông M được toàn quyền bán hết số đất để chi xài cá nhân, gia đình và các con nhiều lần khuyên nhưng ông M không đồng ý làm ảnh hưởng đến cuộc sống của các người thân trong gia đình. Bà và các con đều không đồng ý đơn khởi kiện ly hôn của ông M. Nếu ông M kiên quyết đòi ly hôn thì bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi QSD đất trên với diện tích 6.135,8 m<sup>2</sup>, yêu cầu ông M giao đất cho bà quản lý sử dụng, không đồng ý nhận giá trị QSD đất.

Nguồn gốc đất trên là của cha mẹ ông M cho chung vợ chồng. Cha mẹ chồng của bà nói cho QSD đất để vợ chồng bà canh tác, nếu không canh tác được thì có quyền bán. Việc cho đất chỉ nói miệng, không có lập thành văn bản vì nghĩ là người trong gia đình và không có ai chứng kiến việc cho đất nói trên. Đến năm 2016 cha chồng bà là Cụ C3 sang tên cho một mình ông M đứng tên để khởi đóng thuế sang tên QSD đất, sau này có thể điều chỉnh lại cho vợ chồng cùng đứng tên.

Số tiền 1.200.000.000 đồng mà ông M chia cho bà trước khi nộp đơn xin ly hôn là tiền do ông M bán QSD đất 3.000m<sup>2</sup> trong diện tích 9.935,8m<sup>2</sup>. Năm 2014 do bà bệnh gãy cột sống phải điều trị khoảng 2 đến 3 tháng rồi về chung sống lại với nhau.

Bà thống nhất với giá trị định giá QSD đất là 7.772.250.000 đồng theo chứng thư định giá ngày 14/6/2019. Bà không làm đơn phản tố bổ sung, đồng ý để Tòa án giải quyết xong nếu tiền án phí có chênh lệch thì bà sẽ nộp thêm án phí theo quy định pháp luật.

Bà yêu cầu chia đôi QSD diện tích 6.135,8m<sup>2</sup> tại khu phố P, phường V, Tp. R, tỉnh Kiên Giang với, yêu cầu xẻ dọc quyền sử dụng đất từ mặt kênh Láng

Cát trở vô mỗi người nhận  $\frac{1}{2}$  quyền sử dụng đất nêu trên, giao cho ông M quyền sử dụng đất bên phía đường đan cặp trụ sở khu phố P, bà sẽ lấy QSD đất ở bên còn lại.

Yêu cầu Tòa án xem xét chia công sức đóng góp của bà trong khoảng thời gian bà sống và làm dâu trong gia đình chồng ở An Biên từ năm 1983 đến năm 1998.

***Tại bản án sơ thẩm số 132/2019/HNGĐ-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lâm Đạo M được ly hôn với bà Vương Bạch M1.

2. Về con chung: Ông Lâm Đạo M và bà Vương Bạch M1 xác định quá trình chung sống có 04 người con chung là Lâm Ngọc L1, sinh 1985; Lâm Ngọc L2, sinh 1987; Lâm Tân C, sinh 1988; Lâm Tiến C1, sinh ngày 1992, con chung đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Bác yêu cầu phản tố của bà Vương Bạch M1 về việc chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân đối với quyền sử dụng đất tọa lạc tại khu phố P, phường V, Tp. R, tỉnh Kiên Giang, diện tích do bà M1 yêu cầu là  $6.135,8m^2$ .

4. Về nợ chung: Ông Lâm Đạo M, bà Vương Bạch M1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Ông M phải nộp tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.528.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0019233 ngày 06/6/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố R, do ông M đã nộp tạm ứng nên được khấu trừ.

Buộc bị đơn bà Vương Bạch M1 phải nộp tiền chi phí định giá tài sản là 12.950.843 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000238 ngày 18/6/2019 của Công ty trách nhiệm hữu hạn định giá Thịnh Vượng, do nguyên đơn ông M đã tạm ứng số tiền nêu trên, nên buộc bà M1 phải hoàn trả 12.950.843 đồng tiền chi phí định giá cho ông M.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lâm Đạo M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng ông M nộp theo biên lai thu 0003980 ngày 26/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố R, Kiên Giang, nên ông M không phải nộp thêm.

Bà M1 là bị đơn có yêu cầu phản tố phải nộp án phí là 109.722.500 đồng, bà M1 được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0004671 ngày 11/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố R, Kiên Giang, nên bà M1 phải nộp thêm số tiền án phí là 107.222.500 đồng.

- **Ngày 11 và 16 tháng 12 năm 2019** bị đơn bà Vương Bạch M1 có đơn kháng cáo và đơn kháng cáo bổ sung, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết chia đôi tài sản chung là QSD đất với diện tích 6.135,8m<sup>2</sup>; Buộc ông M cấp dưỡng nuôi con chung là Lâm Tiến C1 cho đến khi anh C1 có thể tự mình lao động, nuôi sống bản thân do anh C1 bị tai nạn bị hạn chế khả năng lao động.

**Ngày 27 tháng 12 năm 2019**, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang kháng nghị yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần án phí theo hướng không buộc bà Vương Bạch M1 chịu án phí giá ngạch đối với yêu cầu phản tố bị bác và xem xét miễn án phí cho ông Lâm Đạo M do ông M là người cao tuổi.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn ông Lâm Đạo M có ý kiến: Ông yêu cầu Tòa án xem xét miễn án phí cho ông theo quy định pháp luật đối với trường hợp ông là người cao tuổi.

Ông xác định QSD đất diện tích hiện còn 5.433,3m<sup>2</sup> ( đất ở đô thị 150 m<sup>2</sup>, đất trồng lúa 5.293,3 m<sup>2</sup> ) do ông đứng tên Giấy CNQSD đất được Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp số CL 999546, ngày 21/12/2017, đất tại Khu phố P, P.V, TP. R, tỉnh Kiên Giang là tài sản của ông được cha ông là Cụ Lâm Văn C3 cho riêng ông trong thời kỳ hôn nhân với bà M1. Không đồng ý kháng cáo của bà M1 là tài sản được cha mẹ ông cho chung vợ chồng.

Ông thống nhất thỏa thuận với bà M1 là:

1. Ông đồng ý chia cho bà Vương Bạch M1 và hỗ trợ thêm cho người con Lâm Tiến C1 (do C1 bị tai nạn hạn chế khả năng lao động và hiện đang sống chung với bà M1) diện tích QSD đất 540,8m<sup>2</sup> loại đất trồng lúa theo giấy CNQSD đất ông được cấp nêu trên. Cụ thể: ngang trước giáp lộ Xi măng cạnh 3-4 = 12m, ngang sau hậu giáp đất ông Trương Văn Nuôi cạnh 1-2 = 12m, chiều dài giáp phần đất còn lại của ông cạnh 3-2 = 45,7m, chiều dài giáp hậu đất ông cho các con của ông Chị L1, anh C cạnh 4-1 = 44,6m (vị trí cụ thể tứ cạnh QSD đất theo sơ đồ Biên bản Xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/7/2020 của Tòa án nhân dân Tỉnh Kiên Giang).

Đối với diện tích QSD đất ông hứa cho hai người con là Lâm Ngọc L2 và Lâm Tiến C1 mỗi người 200m<sup>2</sup> gồm đất ODT 50m<sup>2</sup>, 150m<sup>2</sup> đất lúa theo vị trí 1234 tại sơ đồ kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố R, trong diện tích đất ông được cấp giấy chứng nhận QSD đất

nêu trên, thì ông và các con là chị L2 và anh C1 sẽ tự làm thủ tục tặng cho tách thửa theo quy định pháp luật không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông yêu cầu bà M1 và anh C1 di dời các đồ dùng cá nhân trong căn nhà của ông bà M1 trước đây hiện không còn sử dụng để ông phá bỏ một phần vách nhà giao phần đất ông hứa cho chị L2, do vị trí đất cho chị L2 nằm trong phần nhà này. Đồng thời ông yêu cầu bà M1 và các con của ông là Chị L1, chị L2, anh C, anh C1 sau này không có quyền yêu cầu ông cho thêm tài sản khác của ông.

2. Ông thống nhất chịu toàn bộ chi phí Bản vẽ xem xét thẩm định tại chỗ là 1.528.000đ và chi phí định giá 12.950.843đ tại cấp sơ thẩm mà ông đã nộp, không yêu cầu bà M1 hoàn trả lại cho ông các chi phí trên.

**- Bị đơn bà Vương Bạch M1 có ý kiến:** Rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với yêu cầu ông M trợ cấp nuôi con chung Lâm Tiến C1 do tại cấp sơ thẩm bà chưa yêu cầu giải quyết và tại cấp phúc thẩm ông M tự nguyện cho thêm QSD đất.

Bà M1 thống nhất toàn bộ nội dung thỏa thuận về việc chia QSD đất cho bà và cho QSD đất các con của ông M và bà đối với diện tích, vị trí theo ý kiến như trên của ông Lâm Đạo M. Bà cam kết bà và anh C1 sẽ tự di dời đồ dùng trong căn nhà cũ để ông M thực hiện việc cho QSD đất với chị L2.

Do hoàn cảnh kinh tế hiện nay của bà khó khăn nên bà yêu cầu ông M chịu thay, hỗ trợ cho bà phần chi phí định giá tại cấp sơ thẩm và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét miễn án phí cho bà theo quy định pháp luật.

**- Người có quyền nghĩa vụ liên quan:**

Chị Lâm Ngọc L1 vắng mặt; chị Lâm Ngọc L2, anh Lâm Tấn C và anh Lâm Tiến C1 thống nhất theo ý kiến của ông Lâm Đạo M và bà M1, không có ý kiến khác.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy nội dung thỏa thuận của các đương sự ông M và bà M1 tại phiên tòa là tự nguyện và đúng theo quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang về án phí và một phần kháng cáo của bà M1, sửa bản án sơ thẩm về án phí và công nhận sự thỏa thuận phân chia QSD đất của đương sự.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Người liên quan chị Lâm Ngọc L1 và cụ Lâm Văn C3 có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt cụ C3 và chị L1.

Về quan hệ Hôn nhân, nuôi con chung sau ly hôn các đương sự không kháng cáo nên phần này của Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà M1 rút một phần kháng cáo về việc yêu cầu ông Lâm Đạo M cấp dưỡng đối với Lâm Tiến C1, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự, Đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo của bà Vương Bạch M1.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lâm Đạo M và bà Vương Bạch M1 thống nhất tự thỏa thuận toàn bộ nội dung tranh chấp chia tài sản QSD đất theo yêu cầu kháng cáo của bà M1 và Kháng nghị về án phí sơ thẩm của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, cụ thể như sau:

Thứ 1: Ông Lâm Đạo M chia cho bà Vương Bạch M1 và hỗ trợ thêm cho người con Lâm Tiến C1 (do C1 bị tai nạn hạn chế khả năng lao động và hiện đang sống chung với bà M1) diện tích QSD đất 540, 8m<sup>2</sup> loại đất trồng lúa thuộc giấy chứng nhận QSD đất ông được Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp số CL 999546, ngày 21/12/2017. Cụ thể: ngang trước giáp lộ Xi măng cạnh 3-4 = 12m, ngang sau hậu giáp đất ông Trương Văn Nuôi cạnh 1-2 = 12m, chiều dài giáp phần đất còn lại của ông cạnh 3-2 = 45,7m, chiều dài giáp hậu đất ông cho các con của ông Chị L1, anh C cạnh 4-1 = 44,6m (vị trí cụ thể tứ cạnh QSD đất theo sơ đồ Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/7/2020 của Tòa án nhân dân Tỉnh Kiên Giang).

Bà M1 và anh C1 tự di dời các đồ dùng cá nhân trong căn nhà củ của ông bà M1 trước đây hiện không còn sử dụng để ông M phá bỏ một phần vách nhà giao phần đất ông hứa cho chị L2, do vị trí đất cho chị L2 nằm trong phần nhà này. Đồng thời bà M1 và Chị L1, chị L2, anh C, anh C1 sau này không có quyền yêu cầu ông cho thêm tài sản khác của ông M.

Thứ 2: Ông M chấp nhận chịu toàn bộ chi phí Bản vẽ xem xét thẩm định tại chỗ 1.528.000đ và chi phí định giá 12.950.843đ tại cấp sơ thẩm mà ông đã nộp, không yêu cầu bà M1 hoàn trả lại cho ông các chi phí trên.

Ngoài ra đối với diện tích QSD đất ông hứa cho hai người con là Lâm Ngọc L2 và Lâm Tiến C1 mỗi người 200m<sup>2</sup> gồm đất ODT 50m<sup>2</sup>, 150m<sup>2</sup> đất lúa theo vị trí 1234 tại sơ đồ kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố R, trong diện tích đất ông được cấp giấy chứng nhận QSD đất nêu trên, thì ông và các con là chị L2 và anh C1 sẽ tự làm thủ tục tặng cho tách thửa theo quy định pháp luật không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, nội dung thỏa thuận của các đương sự nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật, không vi phạm điều cấm của pháp luật và

không trái đạo đức đã hội. Trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận một phần kháng cáo của bà M1; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang về phần án phí sơ thẩm. Công nhận thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm. Sửa bản án sơ thẩm số 132/2019/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân thành phố R về phân chia tài sản và phần án phí sơ thẩm.

[3]. Án phí:

Án phí sơ thẩm:

- Căn cứ điểm đ, khoản 1 điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho ông Lâm Đạo M, do thuộc trường hợp người cao tuổi có yêu cầu miễn án phí. Ông M được hoàn trả tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003980 ngày 26/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố R, Kiên Giang.

- Bà Vương Bạch M1 có Đơn xin giảm án phí nhưng không thuộc trường hợp được giảm án phí theo điểm b, khoản 2 Điều 13 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó bà Vương Bạch M1 phải nộp án phí trên giá trị QSD đất được chia là:

(Giá QSD đất được tính theo Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND và Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND của UBND tỉnh Kiên Giang)

$$540,8\text{m}^2 \times 256.000\text{đ}/1\text{m}^2 = 138.440.800\text{đ} \times 5\% = 6.992.240\text{đ}$$

Bà M1 đã nộp tạm ứng án phí 2.500.000đ theo phiếu thu 0004671 ngày 11/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố R, nên bà M1 còn phải nộp thêm 4.422.240đ (Bốn triệu, bốn trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm bốn mươi đồng).

Án phí phúc thẩm:

Căn cứ Khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Vương Bạch M1 phải nộp án phí phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0002032 ngày 12/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố R.

[4] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và Định giá: Ghi nhận sự tự nguyện của ông M chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài

sản tại cấp sơ thẩm mà ông đã nộp: 1.528.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0019233 ngày 06/6/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố R, và chi phí định giá tài sản là 12.950.843 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000238 ngày 18/6/2019 của Công ty trách nhiệm hữu hạn định giá Thịnh Vượng.

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm, bà M1 tự nguyện nộp 400.000đ và đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 12, điều 13, Khoản 5 Điều 27, Khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-HNGĐ ngày 27/12/2019 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang về án phí.

- Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn bà Vương Bạch M1 về chia tài sản. Đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo của bà Vương Bạch M1 về phần cấp dưỡng nuôi con thành niên không khả năng lao động.

Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 132/2019/HNGĐ-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận ông Lâm Đạo M được ly hôn với bà Vương Bạch M1.

2. Về con chung: Ông Lâm Đạo M và bà Vương Bạch M1 có 04 người con chung là Lâm Ngọc L1, sinh 1985; Lâm Ngọc L2, sinh 1987; Lâm Tân C, sinh 1988; Lâm Tiến C1, sinh ngày 1992, con chung đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

3. Về tài sản: Công nhận sự thỏa thuận của ông M và bà M1:

- Ông Lâm Đạo M chia cho bà Vương Bạch M1 và hỗ trợ thêm cho người con Lâm Tiến C1 (do C1 bị tai nạn hạn chế khả năng lao động và hiện đang sống chung với bà M1) diện tích QSD đất 540, 8m<sup>2</sup> loại đất trồng lúa thuộc giấy chứng nhận QSD đất ông M được Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp số CL 999546, ngày 21/12/2017, đất tại khu phố P, phường V, thành phố R. Cụ thể: ngang trước giáp lộ Xi măng cạnh 3-4 = 12m, ngang sau hậu giáp đất ông Trương

Văn Nuôi cạnh 1-2= 12m, chiều dài giáp phần đất còn lại của ông cạnh 3-2= 45,7m, chiều dài giáp hậu đất ông cho các con của ông Chị L1, anh C cạnh 4-1 = 44,6m (vị trí cụ thể tứ cạnh QSD đất theo sơ đồ Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, kèm theo bản án).

Buộc ông M có nghĩa vụ giao cho bà M1 QSD đất 540, 8m<sup>2</sup> ông M chia cho bà M1 theo thỏa thuận trên. Ông M và bà M1 có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục tách thửa sang tên theo quy định pháp luật.

- Bà M1 và anh C1 có nghĩa vụ tự di dời các đồ dùng cá nhân trong căn nhà cũ của ông bà M1 trước đây hiện không còn sử dụng để ông phá bỏ một phần vách nhà giao phần đất ông hứa cho chị L2, do vị trí đất cho chị L2 nằm trong phần nhà này. Bà M1 và Chị L1, chị L2, anh C, anh C1 sau này không có quyền yêu cầu ông M cho thêm tài sản khác của ông.

Ngoài ra đối với diện tích QSD đất ông hứa cho hai người con là Lâm Ngọc L2 và Lâm Tiến C1 mỗi người 200m<sup>2</sup> gồm đất ODT 50m<sup>2</sup>, 150m<sup>2</sup> đất lúa theo vị trí 1234 tại sơ đồ kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố R, trong diện tích đất ông được cấp Giấy chứng nhận QSD đất nêu trên, thì ông và các con là chị L2 và anh C1 sẽ tự làm thủ tục tặng cho tách thửa theo quy định pháp luật không yêu cầu Tòa án giải quyết.

#### 4. Án phí:

- Án phí sơ thẩm: miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho ông Lâm Đạo M, do thuộc trường hợp người cao tuổi có yêu cầu miễn án phí. Ông M được hoàn trả tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003980 ngày 26/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Bà Vương Bạch M1 phải nộp án phí sơ thẩm trên giá trị QSD đất được chia là 6.992.240đ. Bà M1 đã nộp tạm ứng án phí 2.500.000đ theo phiếu thu 0004671 ngày 11/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố R, Kiên Giang nên bà M1 còn phải nộp thêm 4.422.240đ (Bốn triệu, bốn trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm bốn mươi đồng).

- Án phí phúc thẩm: Bà Vương Bạch M1 phải nộp án phí phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0002032 ngày 12/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

5. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và Định giá: Ghi nhận sự tự nguyện của ông M chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản tại cấp sơ thẩm mà ông đã nộp và đã nộp xong.

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm: Bà M1 tự nguyện nộp và đã nộp xong.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND TP. R;
- Chi cục THADS TP. R;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Hương**